TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11− 6 −2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thanh và ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Biện Thị Uyển Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1972;

- Bị đơn: Ông Phan Xuân P, sinh năm 1967;

Cùng nơi cư trú: Tổ B, Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào năm 1992. Quá trình chung sống của vợ chồng trong nhiều năm nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông P thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới, xúc phạm bà T. Ông P ít có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ đối với bà T và không có trách nhiệm với gia đình. Rất nhiều lần bà T đã chấp nhận tha thứ, bỏ qua để cùng lo cho các con trưởng thành khôn lớn. Cho đến hiện nay cuộc sống chung đã quá áp

lực đối với bà T, Vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông P để tránh những mâu thuẫn, áp lực tinh thần đối với bản thân.

- *Về con chung:* Bà T và ông P có hai người con chung là Phan Thị Thu T1, sinh năm 1993 và Phan Thị Thi T2, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung của bà T và ông P đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà T không yêu cầu giải quyết trách nhiệm đối với con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn – ông Phan Xuân P trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phan Xuân P và bà Trần Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào năm 1992. Quá trình chung sống của vợ chồng trong nhiều năm nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc nhiều lúc ông P uống rượu quá chén, nghe theo lời bạn bè nên chửi bới, xúc phạm bà T. Bản thân ông P hiện nay đã nhận ra được sai lầm của mình và hứa sẽ thay đổi. Hiện nay ông không chấp nhận ly hôn với bà T vì ông P còn thương yêu vợ. Hơn nữa, ông P cho rằng cả ông P và bà T đều đã lớn tuổi cần có người quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau.

- *Về con chung:* Ông P và bà T có hai người con chung như bà T đã trình bày. Hiện nay ông P không có yêu cầu gì về con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông P cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu T, xử cho bà T được ly hôn với ông P.

- *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của các đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn; Các đương sự đều không có yêu cầu nào khác; Bị đơn – ông Phan Xuân P có nơi cư trú tại: Khu phố L, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình; giấy đăng ký kết hôn của bà T và ông P đã bị thất lạc nhưng các đương sự đều thống nhất khẳng định đã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; UBND thị trấn L xác nhận bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P có xác lập hôn nhân thực tế năm 1992. Hiện tại giấy đăng ký kết hôn bà T đã làm thất lạc và tại Ủy ban nhân dân thị trấn L cũng không còn sổ bộ lưu trữ. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của bà T và ông P là hợp pháp theo quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong lời khai của mình khi làm việc tại Tòa án thì bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P đều trình bày: Qúa trình chung sống của vợ chồng trong nhiều năm nay đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc nhiều lúc ông P uống rượu quá chén, nghe theo lời bạn bè nên chửi bới, xúc phạm bà T. Mặc dù ông P cho rằng hiện nay bản thân ông đã nhận ra những sai lầm của mình và hứa sẽ thay đổi để cùng với bà T tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà T cho rằng việc bà chấp nhận chung sống với ông P trong tình trạng thường xuyên mâu thuẫn, gây gỗ trong nhiều năm qua là để cùng chăm lo cho các con khôn lớn. Cho đến hiện nay cuộc sống chung đã quá áp lực đối với bà T, vì vậy bà T yêu cầu được ly hôn với ông P để tránh những mâu thuẫn, áp lực tinh thần đối với bản thân.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân của bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P chưa có những hành vi làm ảnh hưởng đến xóm làng, địa phương nơi cư trú. Tuy nhiên, tình trạng ông P uống rượu có lời qua tiếng lại đối với bà T cũng thường xuyên xảy ra.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân của bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng kéo dài xuất phát từ hành vi ông P uống rượu quá chén, nghe theo lời bạn bè nên chửi bới, xúc phạm bà T. Hiện tại cả bà T và ông P đều thừa nhận cả hai vợ chồng ít có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Mặc dù hiện nay ông P hứa sẽ thay đổi bản thân để bà T rút đơn ly hôn tiếp tục chung sống với ông P nhưng bà T không chấp nhận. Điều đó cho thấy, bà T không còn sự thương yêu và tin tưởng đối với ông P. Do đó, yêu cầu được ly hôn với ông Phan Xuân P của bà Trần Thị Thu T là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Theo đó cần xử cho bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Phan Xuân P là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Các con chung của bà Trần Thị Thu T và ông Phan Xuân P đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét đến.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu T. Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Phan Xuân P.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005866 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà Trần Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự; Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn Lạc Tánh (thay thông báo);
- Lưu: VP, án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận